

Trường: THCS Phạm Hữu Lầu

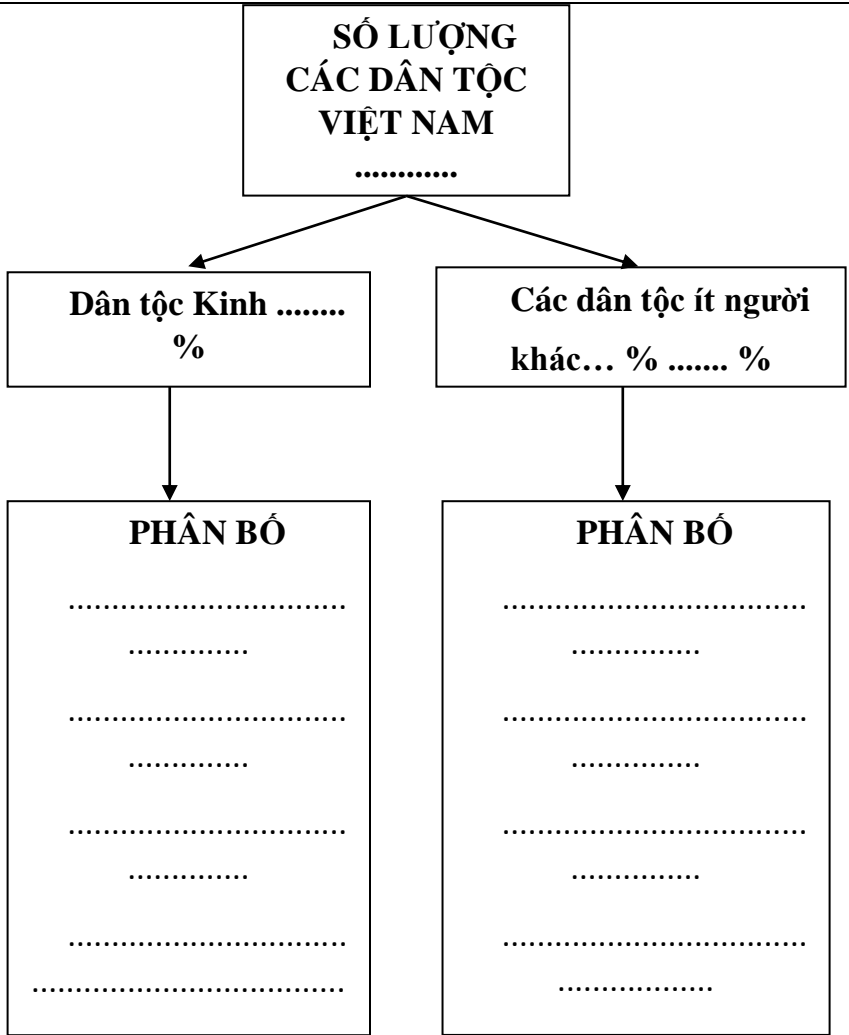
GV: Nguyễn Thảo Phương.

SĐT: 0385575518 (thời gian liên hệ học tập: 13h-17h hàng ngày)

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
MÔN: ĐỊA LÍ 9

HOẠT ĐỘNG	NỘI DUNG HỌC TẬP
TÊN BÀI DẠY:	BÀI 1: CỘNG ĐỒNG CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM
Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</i>	<p>❖ Nội dung chính:</p> <p>I. Các dân tộc ở Việt Nam</p> <ul style="list-style-type: none">- Nước ta có 54 dân tộc.- Dân tộc Việt (Kinh) có số dân đông nhất, chiếm 85,3 % dân số cả nước - có nhiều kinh nghiệm trong thâm canh lúa nước, có nhiều nghề thủ công đạt mức độ tinh xảo, là lực lượng đông đảo trong các ngành kinh tế và khoa học kỹ thuật.- Các dân tộc ít người chiếm 14,7 % dân số cả nước – có trình độ phát triển kinh tế khác nhau, mỗi dân tộc có kinh nghiệm riêng trong sản xuất và đời sống <p>Nhiệm vụ học sinh cần tìm hiểu: Dựa vào những hiểu biết của cá nhân.</p> <ul style="list-style-type: none">- Hãy kể tên một số dân tộc ít người mà em biết?- Các dân tộc Việt Nam có những đặc điểm nào khác nhau?- Thử nêu đặc điểm của dân tộc Việt (Kinh)?- Các dân tộc ít người có phong tục, tập quán canh tác Như thế nào?- Hãy kể tên 1 số sản phẩm thủ công tiêu biểu của các dân tộc ít người mà em biết? <p>II. Phân bố các dân tộc</p> <ul style="list-style-type: none">- Dân tộc Việt: phân bố tập trung ở các đồng bằng , trung du và duyên hải.- Các dân tộc ít người phân bố chủ yếu ở miền núi và cao nguyên. <p>Nhiệm vụ học sinh cần tìm hiểu: Dựa vào những hiểu biết của cá nhân.</p> <ul style="list-style-type: none">- Dựa vào những hiểu biết của cá nhân cho biết sự phân bố các dân tộc hiện nay đã có gì thay đổi?
Hoạt	1. Hệ thống lại kiến thức bài học một cách khái quát qua sơ đồ tư duy

động 2:
*Kiểm tra,
đánh giá
quá trình
tự học.*



2. Qua tìm hiểu thực tế, hãy viết 1 đoạn thông tin khoảng 200 từ giới thiệu những nét văn hoá điển hình của dân tộc em.
- Gợi ý:
- Em thuộc dân tộc nào?
 - Ngôn ngữ chính của dân tộc em
 - Nét độc đáo của trang phục
 - Lễ hội đặc trưng,...

Học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

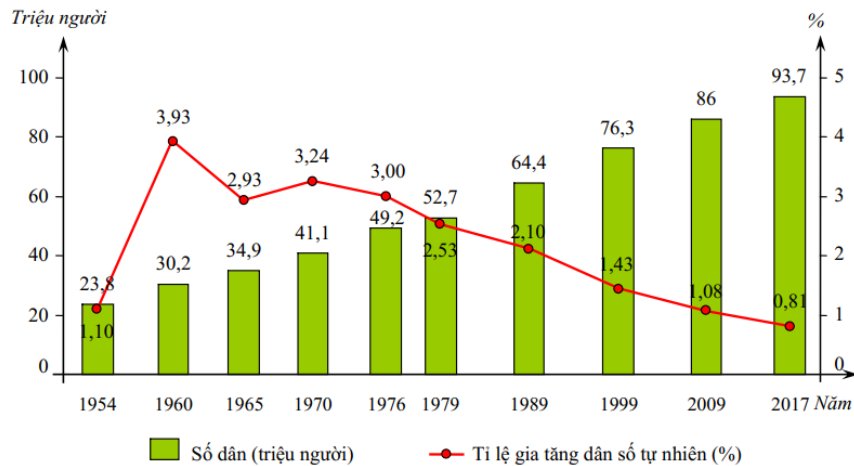
.....

.....

.....

TÊN BÀI DẠY:	BÀI 2: DÂN SỐ VÀ GIA TĂNG DÂN SỐ
Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</i>	<p>❖ Nội dung chính:</p> <p>I. Số dân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dân số nước ta vào cuối năm 2017 là 93,7 triệu người. - Việt Nam là nước đông dân xếp thứ 3 khu vực Đông Nam Á, thứ 8 châu Á và thứ 13 thế giới. <p>II. Gia tăng dân số</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gia tăng dân số nhanh. - Từ cuối những năm 50 đến những những năm cuối thế kỉ XX, nước ta có hiện tượng "bùng nổ dân số". - Nhờ thực hiện tốt chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình nên tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên có xu hướng giảm. - Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên còn khác nhau giữa các vùng - Tỉ lệ gia tăng ở nông thôn cao hơn thành thị. <p>Nhiệm vụ học sinh cần tìm hiểu: Dựa vào những hiểu biết của cá nhân. + HS tìm hiểu thuật ngữ “bùng nổ dân số”</p>

Biểu đồ biến đổi dân số của nước ta qua các năm [trang 7]



+ Phân tích biểu đồ và rút ra nhận xét về tình hình gia tăng dân số của nước ta từ năm 1954 đến năm 2017 ?

+ Vì sao hiện tượng “bùng nổ dân số” ở nước ta lại diễn ra từ cuối những năm 50 đến những năm cuối TK XX ?

+ Dân số đông và tăng nhanh đã gây ra những hậu quả gì đối với kinh tế, xã hội và môi trường ?

+ Nêu những lợi ích của sự giảm tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số ở nước ta về kinh tế, xã hội và môi trường?

III. Cơ cấu dân số

- Cơ cấu dân số theo độ tuổi:

+ Nước ta đang có sự thay đổi: Tỷ lệ trẻ em giảm xuống, tỷ lệ người trong độ tuổi lao động và trên độ tuổi lao động tăng lên. Theo chiều hướng già đi.

- Cơ cấu dân số theo giới tính.

+ Tỷ số giới tính thấp, đang có sự thay đổi.

+ Tỷ số giới tính khác nhau giữa các địa phương.

- Cơ cấu giới tính nam tiến tới cân bằng với nữ

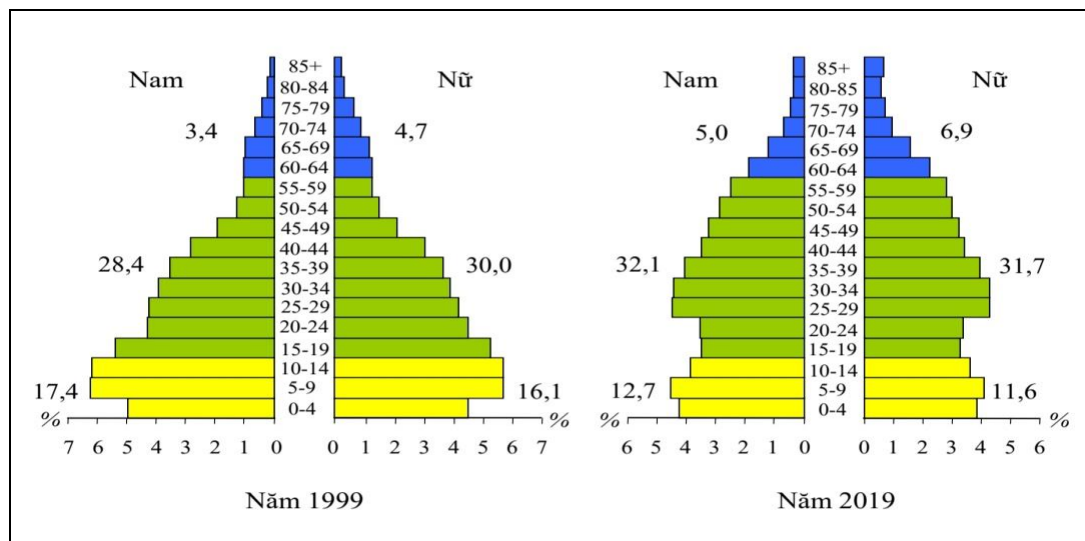
Nhiệm vụ học sinh cần tìm hiểu:

Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi và giới tính của nước ta qua các năm [trang 9]

(Đơn vị: %)

Nhóm tuổi	Năm 1979		Năm 1989		Năm 1999		Năm 2009		Năm 2019	
	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ
0 – 14	21,8	20,7	20,1	18,9	17,4	16,1	12,6	11,8	12,7	11,6
15 – 59	23,8	26,6	25,6	28,2	28,4	30,0	33,3	33,6	32,1	31,7
60+	2,9	4,2	3,0	4,2	3,4	4,7	3,5	5,2	5,0	6,9
Tổng	48,5	51,5	48,7	51,3	49,2	50,8	49,4	50,6	49,8	50,2

- Nhận xét tỉ lệ 2 nhóm dân số nam, nữ thời kì 1979 - 2019?
- Nhận xét cơ cấu dân số theo nhóm tuổi của nước ta thời kì 1979 – 2019?
- Quan sát biểu đồ tháp dân số nước ta giai đoạn 1999 và 2019, nhận xét cơ cấu và sự thay đổi cơ cấu dân số theo độ tuổi và theo giới tính?



Hoạt động 2:
Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.

Trả lời nhanh các câu hỏi sau:

- Hiện nay dân số Việt Nam có tỉ lệ sinh tương đối thấp là do
 - Số người trong độ tuổi sinh đẻ giảm.
 - Đời sống kinh tế quá khó khăn.
 - Thực hiện tốt công tác kế hoạch hoá gia đình .
 - Đời sống người dân được cải thiện, tỉ lệ sinh giảm.

Nhiệm vụ học sinh cần tìm hiểu: Tìm hiểu phần I/ trang 10 SGK cho biết:

- + MĐDS nước ta ngày càng thay đổi như thế nào? Chứng minh và giải thích.
- + So sánh MĐDS Việt Nam với MĐDS trung bình thế giới, rút ra nhận xét.
- + Quan sát H 3.1/11SGK cho biết dân cư nước ta tập trung đông ở vùng nào? Thưa thớt ở vùng nào?
- + Qua đó, có nhận xét gì về tình hình phân bố dân cư nước ta?
- + Cho biết nguyên nhân nào dẫn đến sự phân bố dân cư nước ta có sự chênh lệch giữa các miền?

II. Các loại hình quần cư:

1/ Quần cư nông thôn:

- + Dân cư tập trung thành các điểm dân cư có tên gọi khác nhau giữa các vùng, miền, dân tộc.
- + Hiện đang có nhiều thay đổi cùng với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

2/ Quần cư thành thị:

- + Nhà cửa san sát, kiểu nhà hình ống khá phổ biến.
- + Là các trung tâm kinh tế, chính trị, Khoa học- Kỹ thuật ...
- + Phân bố tập trung ở đồng bằng và ven biển.

Nhiệm vụ học sinh cần tìm hiểu:

- Trình bày các thay đổi của quần cư nông thôn trong quá trình CNH đất nước. Nhận xét ở địa phương em.

III. Đô thị hoá:

- + Quá trình đô thị hóa gắn liền với công nghiệp hóa.
- + Số dân đô thị tăng, quy mô đô thị được mở rộng, lối sống thành thị ngày càng phổ biến.
- +Trình độ đô thị hoá còn thấp. Phần lớn đô thị thuộc loại vừa và nhỏ.

Nhiệm vụ học sinh cần tìm hiểu:

- HS dựa vào bảng 3.1/13 SGK:
 - + Nhận xét sự thay đổi về số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị nước ta.
 - + Sự thay đổi số dân thành thị đã phản ánh quá trình đô thị hóa nước ta như thế nào?
 - + Nguyên nhân của quá trình đô thị hoá.

- Ưu điểm và hạn chế:

+ Ưu điểm: Nhiều kinh nghiệm trong sản xuất, lâm nghiệp, thủ công nghiệp, có khả năng tiếp thu khoa học kỹ thuật.

+ Hạn chế: Thê lực trình độ chuyên môn còn thấp

- Chất lượng nguồn lao động của nước ta chưa cao, song ngày càng được cải thiện và nâng cao dần.

* Để nâng cao chất lượng nguồn lao động cần đầu tư cho GD-ĐT, đẩy mạnh công tác hướng nghiệp, dạy nghề...

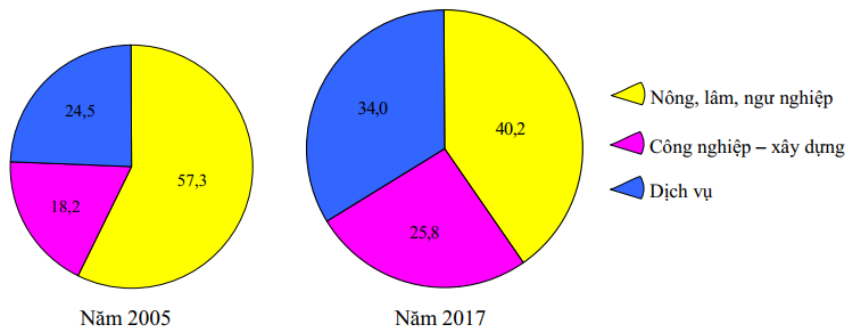
Nhiệm vụ học sinh cần tìm hiểu:

- Dựa vào H4.1 SGK, hãy nhận xét về cơ cấu lao động giữa nông thôn và thành thị. Giải thích nguyên nhân của sự phân bố này.

+ Nhận xét về chất lượng của lực lượng lao động ở nước ta. Để nâng cao chất lượng của nguồn lao động cần có những giải pháp gì?

2) Sử dụng lao động:

Biểu đồ cơ cấu sử dụng lao động theo ngành của nước ta năm 2005 và năm 2017 (%) [trang 16]



Quan sát biểu đồ:

+ Nhận xét cơ cấu sử dụng lao động theo ngành ở nước ta?

+ Nhận xét sự thay đổi của cơ cấu lao động theo ngành?

Quan sát bảng số liệu 4.1 SGK, cho biết sự thay đổi của cơ cấu LĐ phân theo thành phần kinh tế.

Cơ cấu sử dụng lao động phân theo thành phần kinh tế của nước ta qua các năm [trang 17]

(Đơn vị: %)

Thành phần kinh tế \ Năm	2000	2005	2010	2015	2017
Tổng số	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0
Kinh tế Nhà nước	9,3	9,5	10,4	9,8	9,8
Kinh tế ngoài Nhà nước	90,1	88,9	86,1	86,0	85,2
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	0,6	1,5	3,5	4,2	5,0

II. Vấn đề việc làm

- Nguồn lao động dồi dào trong điều kiện nền kinh tế nước ta chưa phát triển đã tạo nên sức ép rất lớn đến việc làm.

- Ở nước ta tình trạng thiếu việc làm ở nông thôn và thất nghiệp ở thành thị khá phổ biến.

- Hướng giải quyết việc làm:

+ Phân bố lại dân cư và lao động giữa các vùng.

+ Đa dạng hoá các hoạt động kinh tế ở nông thôn

+ Phát triển hoạt động công nghiệp, dịch vụ ở các đô thị.

+ Đa dạng hoá các loại hình đào tạo, đẩy mạnh công tác hướng nghiệp, dạy nghề giới thiệu việc làm, xuất khẩu lao động...

Nhiệm vụ học sinh cần tìm hiểu:

- Tại sao nói vấn đề việc làm đang là vấn đề xã hội gay gắt ở nước ta?

III. Chất lượng cuộc sống

1/ Thành tựu: Chất lượng cuộc sống của người dân ngày càng được cải thiện và nâng cao dần

2/ Hạn chế: Chất lượng cuộc sống của người dân còn chênh lệch giữa nông thôn, thành thị; giữa các tầng lớp dân cư trong xã hội

Nhiệm vụ học sinh cần tìm hiểu:

- Qua nội dung SGK & qua thực tế cuộc sống hiện nay, em có nhận xét gì về chất lượng cuộc sống của người dân VN?

- Qua việc nắm bắt thông tin từ sách báo, đài... em có nhận xét gì về chất lượng cuộc sống của người dân ở nông thôn và thành thị; ở miền núi, đồng bằng; giữa các tầng lớp dân cư trong xã hội?

Hoạt động 2:

1. Nêu các phương hướng để nâng cao chất lượng cuộc sống của người

